

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2555/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nhà cầu nối từ Khoa Quốc tế đến nhà A5 (nhà Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh - Hội trường), thuộc dự án Khoa Quốc tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4839/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Khoa Quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3458/SXD-HĐXD ngày 30/6/2017; kèm theo đề nghị của Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại Tờ trình số 693/TTr-BVĐK ngày 08/6/2017 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nhà cầu nối từ Khoa Quốc tế đến nhà A5 (nhà Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh - Hội trường), thuộc dự án Khoa Quốc tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nhà cầu nối từ Khoa Quốc tế đến nhà A5 (nhà Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh - Hội trường) thuộc dự án Khoa Quốc tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Nhà cầu nối từ Khoa Quốc tế đến nhà A5 (nhà Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh - Hội trường).

2. Thuộc dự án: Khoa Quốc tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
3. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
4. Địa điểm xây dựng: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa - số 181 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.
5. Cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III
6. Nhà thầu lập thiết kế, dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long.
7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
 - a) Giải pháp kiến trúc:
 - Diện tích xây dựng 111,11m²; quy mô 01 tầng; chiều cao 5,0m; cos nền nhà (cos 0,00) cao hơn cos mặt sân hoàn thiện +0,20m.
 - Nền nhà lát gạch ceramic kích thước 500x500mm; lan can xây gạch ốp đá nhám.
 - b) Giải pháp kết cấu:
 - Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200, được liên kết với nhau bằng hệ dầm giằng BTCT đổ tại chỗ; kích thước móng điển hình 1400x1400mm, 2860x1400mm.
 - Phần thân sử dụng hệ khung BTCT đá 1x2 mác 200 chịu lực đổ toàn khối; tiết diện cột điển hình 220x200mm, 220x300mm; tiết diện dầm điển hình 220x600mm, 220x350mm; sàn dày 100mm.

8. Giá trị dự toán xây dựng (làm tròn): 1.184.939.000 đồng;

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	954.975.000	đồng;
- Chi phí Quản lý dự án	:	22.348.225	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	76.081.347	đồng;
- Chi phí khác	:	75.109.050	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	56.425.681	đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

10. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 3458/SXD-HĐXD ngày 30/6/2017. Việc xây dựng phải có biện pháp kỹ thuật thi công được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho công trình, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện Đa khoa tỉnh) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

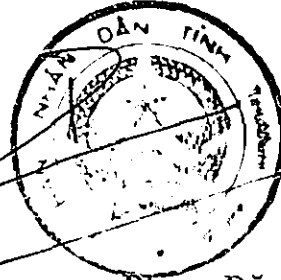
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

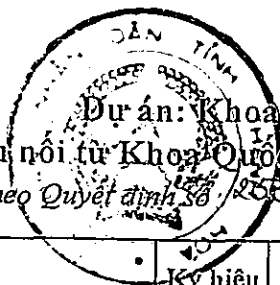
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch Phạm Đăng Quyền (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{sln}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền



PHỤ BIỂU

Dự án: Khoa Quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
 Công trình: Nhà cầu nối từ Khoa Quốc tế đến nhà A5 (nhà Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh - Hội trường)
 (Kèm theo Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	Dự toán chi tiết	868.159.091	86.815.909	954.975.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	Theo QĐ số 1786/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)	22.348.225		22.348.225
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		69.164.860	6.916.486	76.081.347
1	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và dự toán		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,410\%$	29.604.225	2.960.423	32.564.648
2	Chi phí thẩm định thiết kế		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,165\%$	1.432.463	143.246	1.575.709
3	Chi phí thẩm định dự toán		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,160\%$	1.389.055	138.905	1.527.960
4	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,432\%$	3.750.447	375.045	4.125.492
5	Chi phí giám sát thi công phần xây dựng		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,285\%$	28.519.026	2.851.903	31.370.929
6	Chi phí báo cáo giám sát ĐGDADT		$20\% \times QLDA$	4.469.645	446.965	4.916.610
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		69.890.045	5.219.005	75.109.050
1	Chi phí hạng mục chung		Dự toán chi tiết	30.385.568	3.038.557	33.424.125
2	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,300\%$	2.604.477	260.448	2.864.925
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$TMĐT \times 0,950\% \times 50\%$	5.700.000		5.700.000
4	Chi phí kiểm toán		$TMĐT \times 1,600\%$	19.200.000	1.920.000	21.120.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (theo NĐ 63)		Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)		Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	10.000.000		10.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G _{DP}				56.425.681
	Dự phòng do khối lượng phát sinh		$(I+II+III+IV) \times 5\%$			56.425.681
	TỔNG CỘNG					1.184.939.303
	LÀM TRÒN					1.184.939.000

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng